

**CÔNG TY TNHH HHD HƯNG YÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HHD HƯNG YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HHD HUNG YEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HHD HUNGYEN CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108499289

**3. Ngày thành lập:** 07/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 25 , Ngõ 155 Phố Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +842438336868

Fax:

Email: [haidh1975@gmail.com](mailto:haidh1975@gmail.com)

Website: [www.hhd.com.vn](http://www.hhd.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết : Vận tải hành khách bằng xe khách nội địa, liên tỉnh                                                           | 4932     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                           | 4632     |
| 3.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                            | 4541     |
| 4.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác<br>Chi tiết : các loại cáp điện đang trong quá trình nghiên cứu và triển khai;                                        | 2732     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>( trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                              | 2630     |
| 6.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết : Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình ( trừ sản xuất phim ) | 5911     |
| 7.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                  | 4512     |
| 8.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Tổ chức biểu diễn nghệ thuật ( trừ các loại hình Nhà nước cấm )                        | 9329     |
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                        | 6810     |
| 10. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                          | 4511     |
| 11. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                          | 2731     |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                        | 4543     |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4741     |
| 14. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                       | 2821     |

|     |                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác<br>( Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật )       | 4229 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                      | 4653 |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Các sản phẩm trang trí nhà làm từ gốm sứ hoặc gỗ                                           | 4649 |
| 18. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                | 4661 |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                        | 4711 |
| 20. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                        | 4641 |
| 21. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                         | 4542 |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết : Xây dựng khu công nghiệp                                                                  | 4390 |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                              | 4933 |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                         | 4651 |
| 25. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4761 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                         | 4931 |
| 27. | Quảng cáo                                                                                                                                   | 7310 |
| 28. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                              | 4520 |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                      | 7710 |
| 30. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                         | 7990 |
| 31. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết : Tư vấn, môi giới bất động sản , quyền sử dụng đất           | 6820 |
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>( trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                      | 7320 |
| 33. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                              | 4631 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết : Cho thuê thiết bị âm thanh, ánh sáng, sân khấu | 7730 |
| 35. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                   | 8230 |
| 36. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                       | 4634 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Các sản phẩm từ kim loại và gốm sứ phục vụ trong xây dựng             | 4663 |
| 38. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>chi tiết : Đại lý                                                                                     | 4610 |
| 39. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                          | 6311 |
| 40. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                               | 2396 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 41. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 42. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                             | 2733        |
| 43. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                  | 4652        |
| 44. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>( Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường )                                                                                                                                                    | 5510(Chính) |
| 45. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>( Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường )                                                                                                                             | 5610        |
| 46. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Mua bán thiết bị ngân hàng                                                                                                                                                            | 4659        |
| 47. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                       | 7721        |
| 48. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 49. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>( không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                                                     | 5630        |
| 50. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                   | 4513        |
| 51. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                              | 4620        |
| 52. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                  | 4530        |
| 53. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                             | 8560        |
| 54. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính , kế toán , kiểm toán , thuế và chứng khoán );                                                                                                                               | 7020        |
| 55. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 56. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 57. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Dịch vụ lưu trữ, cung cấp, xử lý thông tin kinh tế, văn hóa , khoa học , kỹ thuật , giáo dục , giải trí, thể thao, thương mại, quảng cáo trừ những thông tin không được phép lưu hành ; | 6399        |
| 58. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                   | 2395        |
| 59. | Xuất bản phần mềm<br>( Trừ xuất bản phẩm )                                                                                                                                                                                                          | 5820        |
| 60. | Cổng thông tin<br>( Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                          | 6312        |
| 61. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự , an toàn xã hội )                                        | 4764        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỖ HỮU HẢI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/10/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011759101

Ngày cấp: 23/03/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25, Ngõ 155 Đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25, Ngõ 155 Đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỖ TRẦN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C0067188

Ngày cấp: 04/02/2015

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể trường QLKT GTVT, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 3, Ngách 463/7 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội